

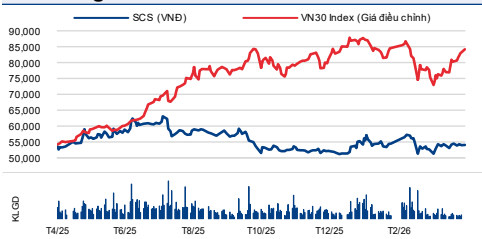
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ57,000
Tiềm năng tăng/giảm: 5.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/4/2026)	54,100
Mã Bloomberg	SCS VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	51,200-63,117
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	54,033
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	5,134
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	195
Slg CP lưu hành (tr.đv)	94.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	28.5
Slg CP NN được mua (tr.đv)	20.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	8.82%
Tỷ lệ freefloat	38.2%
Cổ đông lớn	Gemadep (35.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	1,197	1,253	994
EBITDA đc (tỷ đồng)	986	1,015	814
LNTT (tỷ đồng)	940	969	768
LNT ĐC (tỷ đồng)	698	721	572
FCF (tỷ đồng)	726	818	593
EPS ĐC (đồng)	6,980	7,219	5,643
DPS (đồng)	5,500	6,000	5,000
BVPS (đồng)	16,458	17,632	18,091
T.trưởng EBITDA (%)	19.2	2.99	(19.8)
T.trưởng EPS ĐC (%)	8.87	3.41	(21.8)
Tăng trưởng DPS (%)	(8.33)	9.09	(16.7)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	82.4	81.0	81.9
Tỷ suất LNTT (%)	78.5	77.4	77.3
Tỷ suất LNT ĐC (%)	62.8	61.9	61.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	73.0	77.0	82.0
Nợ thuần/VCSH (%)	(0.50)	(6.31)	(20.3)
ROAE (%)	50.6	47.9	36.3
ROACE (%)	63.1	59.8	45.2
EV/doanh thu (lần)	3.07	2.80	3.51
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.73	3.46	4.28
P/E ĐC (lần)	7.75	7.49	9.59
P/B (lần)	3.29	3.07	2.99
Lợi suất cổ tức (%)	10.2	11.1	9.24

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập từ tháng 4/2008, nhà ga hàng hóa hàng không của SCS bắt đầu hoạt động từ tháng 10/2010. Hiện SCS là một trong hai nhà ga hàng hóa duy nhất tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Chê Thị Mai Trang
Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q1/2026: Lợi nhuận thuần tăng 2% so với cùng kỳ, vượt 13% dự báo

- KQKD Q1/2026 của SCS tốt hơn kỳ vọng với lợi nhuận thuần đạt 173 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ, giảm 8% so với quý trước và cao hơn 13% so với dự báo của HSC) trên doanh thu thuần 266 tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ, giảm 19% so với quý trước và cao hơn 5% so với dự báo).
- BLĐ kỳ vọng KQKD Q2/2026 sẽ cải thiện khi sản lượng hàng hóa quốc tế tăng trở lại. Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (LTH) nhiều khả năng sẽ hoàn thời điểm vận hành sang Q4/2026 (so với kế hoạch trước đó là tháng 6); theo đó, sản lượng sẽ tiếp tục tập trung tại Cảng hàng không Tân Sơn Nhất (TIA), tạo môi trường cạnh tranh thuận lợi hơn cho SCS.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 57.000đ (tiềm năng tăng giá 5,4%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026 và buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích

HSC đã tham dự buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích với SCS vào thứ Hai ngày 20/4, trong đó BLĐ đã trao đổi về KQKD Q1/2026, tác động của tình hình Trung Đông đối với HĐKD của SCS, cập nhật về các nhà ga tại LTH và triển vọng dài hạn của Công ty. Các nội dung chính như sau.

Doanh thu Q1/2026 đi ngang so với cùng kỳ, chịu ảnh hưởng từ xung đột Trung Đông

Doanh thu thuần đi ngang so với cùng kỳ (giảm 19% so với quý trước) đạt 266 tỷ đồng – cao hơn 5% so với dự báo 253 tỷ đồng của HSC và tương đương 21,3% dự báo cho cả năm 2026 là 1.253 tỷ đồng, chủ yếu nhờ cơ cấu doanh thu thuần lợi hơn dù sản lượng giảm. Theo BLĐ, giá dịch vụ của SCS duy trì ổn định nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp xuất nhập khẩu theo chỉ đạo của Chính phủ; tuy nhiên, cơ cấu doanh thu chuyển dịch sang dịch vụ hàng nhập khẩu, là dịch vụ có biểu phí cao hơn so với dịch vụ hàng xuất khẩu.

Tổng sản lượng hàng hóa hàng không của SCS trong Q1/2026 giảm 5% so với cùng kỳ (giảm 21% so với quý trước) xuống còn 60.792 tấn, thấp hơn 3% so với dự báo 63.000 tấn của HSC. Chúng tôi lưu ý rằng Qatar Airways và Emirates chiếm tổng cộng 23% sản lượng hàng hóa quốc tế của SCS trong năm 2025. Tuy nhiên, trong ba tuần đầu tháng 3/2026, xung đột Trung Đông đã làm gián đoạn lịch trình các chuyến bay quốc tế – Qatar Airways đã hủy gần như 100% chuyến bay đến/đi từ Việt Nam, trong khi Emirates cắt giảm mạnh tần suất bay. Theo đó, sản lượng hàng hóa quốc tế của SCS giảm 6% so với cùng kỳ (và giảm 24% so với quý trước) xuống 46.777 tấn; trong khi đó, sản lượng hàng hóa nội địa giảm 5% so với cùng kỳ (và giảm 24% so với quý trước), chủ yếu do sản lượng từ khách hàng nội địa lớn nhất của SCS là Vietjet Air (VJC; Bán ra, giá mục tiêu 119.700đ) suy giảm.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, SCS

Lợi nhuận thuần tăng 2% so với cùng kỳ, cao hơn 13% so với ước tính của HSC là 153 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q1/26	So với cùng kỳ	So với quý trước	Dự báo 2026	% dự báo của HSC
Doanh thu thuần	266	0.0%	-18.6%	1,253	21.3%
LNTT	218	1.9%	-7.3%	969	22.5%
Lợi nhuận thuần	173	2.0%	-7.9%	775	22.3%

Nguồn: SCS, HSC

Lợi nhuận Q1/2026 tăng 2% so với cùng kỳ nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện

Lợi nhuận thuần của SCS tăng 2% so với cùng kỳ (giảm 8% so với quý trước) đạt 173 tỷ đồng, cao hơn 13% so với dự báo 153 tỷ đồng của HSC, chủ yếu nhờ thu nhập HĐ tài chính cao hơn kỳ vọng và chi phí được tối ưu. Lợi nhuận tài chính tăng 57% so với cùng kỳ (tăng 3% so với quý trước) đạt 21 tỷ đồng, chủ yếu nhờ lãi tiền gửi ngân hàng tăng. Chi phí bán hàng & quản lý cũng giảm 5% so với cùng kỳ (giảm 37% so với quý trước) xuống 15 tỷ đồng nhờ hiệu quả vận hành tốt hơn. Tỷ suất lợi nhuận thuần đạt 63,8% trong Q1/2026, tăng nhẹ so với mức 63,7% trong Q1/2025.

Chúng tôi lưu ý rằng Q1 thường là mùa thấp điểm do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết.

Tác động từ xung đột Trung Đông sẽ giảm dần từ Q2/2026

BLĐ cho biết các hãng hàng không quốc tế đã khôi phục lịch bay bình thường từ đầu tháng 4/2026, qua đó giúp sản lượng hàng quốc tế quay trở lại đà tăng trưởng.

Về chi phí đầu vào, tác động từ biến động giá nhiên liệu do căng thẳng toàn cầu là không đáng kể do 99% thiết bị vận hành của SCS sử dụng điện. Giá dầu cao chỉ ảnh hưởng nhẹ đến chi phí chung thông qua giá nguyên vật liệu như nhựa PVC và PE phục vụ hoạt động đóng gói. Đáng chú ý, SCS đã xây dựng ba kịch bản HĐKD dựa trên diễn biến của giá dầu. Mặc dù giá dầu không tác động trực tiếp đến chi phí HĐKD nhưng lại ảnh hưởng đáng kể đến triển vọng tổng sản lượng hàng hóa của Công ty:

- **Kịch bản cơ sở, trong đó giá dầu Brent duy trì dưới mức 110 USD/thùng trong bối cảnh căng thẳng kéo dài nhưng chưa bùng nổ:** Doanh thu dự kiến đạt 1.200-1.300 tỷ đồng và lợi nhuận thuần đạt 760-820 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng từ đi ngang đến 9%. Kịch bản này nhìn chung sát với dự báo hiện tại của chúng tôi, với doanh thu thuần đạt 1.253 tỷ đồng (tăng trưởng 4,7%) và lợi nhuận thuần đạt 775 tỷ đồng (tăng trưởng 3,2%).
- **Kịch bản tiêu cực, trong đó giá dầu Brent tăng lên 110-120 USD/thùng trong bối cảnh xung đột kéo dài và có phần xấu đi:** BLĐ giả định các hãng hàng không cắt giảm tần suất các chuyến bay đường dài, qua đó có thể làm giảm tác động tích cực từ việc một phần hàng hóa chuyển dịch từ đường biển sang đường hàng không, khiến lợi nhuận thuần đạt 680-750 tỷ đồng (giảm 10% đến đi ngang).
- **Kịch bản xấu nhất, trong đó giá dầu Brent vượt 120 USD/thùng do xung đột Trung Đông leo thang mạnh hơn và kéo theo suy thoái kinh tế toàn cầu:** BLĐ giả định sản lượng xuất khẩu của Việt Nam giảm mạnh, khiến lợi nhuận thuần giảm xuống 500-650 tỷ đồng (giảm 15-35%).

Cập nhật dự án LTH và các dự án khác

LTH: Theo SCS, tiến độ hiện đang chậm hơn so với kế hoạch ban đầu của Chính phủ. Nhà ga hành khách dự kiến sẽ không kịp hoàn thành theo mục tiêu tháng 6/2026 mà nhiều khả năng lùi sang cuối năm, phù hợp với tiến độ điều chỉnh gần đây của Chính phủ. Tương tự, Nhà ga Hàng hóa số 1 (đơn vị đầu tư: ACV, Năm giữ, giá mục tiêu 48.900đ) hiện được dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2026 thay vì mốc tháng 9/2026 ban đầu. Trong khi đó, chưa có cập nhật về tiến độ Nhà ga Hàng hóa số 2 (đơn vị đầu tư: HVN; Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 34.600đ).

SCS cho rằng tình trạng dư cung tại LTH là khó tránh khỏi khi nhu cầu hàng hóa quốc tế tại khu vực phía Nam (500.000 tấn) thấp hơn đáng kể so với công suất 1,1 triệu tấn của LTH. Khi TIA chuyển sang chỉ phục vụ hàng hóa nội địa vào năm 2030, ước tính sẽ mất khoảng 7-8 năm để nhu cầu đạt mức 1 triệu tấn, ngay cả khi giả định sản lượng hàng hóa quốc tế tại LTH tăng trưởng 10% mỗi năm.

Hợp tác giữa SCS và ACV: Tiến độ hiện đang bị đình trệ do sự thay đổi nhân sự trong Chính phủ và ban lãnh đạo ACV. Cơ cấu tổ chức chính thức cần được hoàn thiện trước khi ký kết các thỏa thuận chính thức.

Dự án tòa nhà văn phòng: Dự án này hiện đang tạm dừng. Tiến độ phụ thuộc vào việc phê duyệt từ Bộ Quốc phòng và Quân chủng Phòng không-Không quân, trong đó đơn vị sau hiện đang chờ bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo mới.

Dự án Cảng hàng không Quốc tế Gia Bình: Dự án đang ở giai đoạn đầu và việc xây dựng nhà ga hàng hóa hàng không vẫn chưa được triển khai.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 3% trong 1 tháng qua (nhưng vẫn giảm 4% trong 3 tháng qua), SCS đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 8 lần, thấp hơn đáng kể so với bình quân 3 năm ở mức 11 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 57.000đ (tiềm năng tăng giá 5,4%).

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng hàng hóa, SCS

Tổng sản lượng hàng hóa qua cảng hàng không Q1/2026 giảm 5% so với cùng kỳ và 21% so với quý trước xuống mức 60.792 tấn, thấp hơn 3% so với ước tính của HSC ở mức 63.000 tấn

Tấn	Q1/25	Q4/25	Q1/26	So với cùng kỳ	So với quý trước	Dự báo 2026 HSC	% dự báo HSC
Hàng hóa quốc tế	49,483	61,729	46,777	-5.5%	-24.2%	48,425	96.6%
Hàng hóa nội địa	14,770	14,929	14,015	-5.1%	-6.1%	14,575	96.2%
Tổng sản lượng hàng hóa	64,253	76,658	60,792	-5.4%	-20.7%	63,000	96.5%

Nguồn: SCS, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	1,037	1,197	1,253	994	736
Lợi nhuận gộp	801	939	978	772	557
Chi phí BH&QL	(71.1)	(68.8)	(77.7)	(69.6)	(51.5)
Thu nhập khác	(2.91)	(3.12)	(3.27)	(2.59)	(1.92)
Chi phí khác	0.52	1.99	2.08	1.65	1.22
EBIT	783	940	969	768	557
Lãi vay thuần	55.4	70.8	70.2	66.3	52.3
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	783	940	969	768	557
Chi phí thuế TNDN	(89.9)	(189)	(194)	(154)	(111)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	693	751	775	615	446
Lợi nhuận thuần ĐC	644	698	721	572	415
EBITDA ĐC	827	986	1,015	814	604
EPS (đồng)	6,921	7,535	7,792	6,096	4,319
EPS ĐC (đồng)	6,410	6,980	7,219	5,643	3,990
DPS (đồng)	6,000	5,500	6,000	5,000	3,315
Sig CP bình quân (triệu đv)	94.9	94.9	94.9	94.9	94.9
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	94.9	94.9	94.9	94.9	94.9
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	94.9	94.9	94.9	94.9	94.9
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	317	108	206	449	807
Đầu tư ngắn hạn	954	1,448	1,517	1,293	957
Phải thu khách hàng	111	131	139	110	81.3
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Các tài sản ngắn hạn khác	5.65	5.70	5.97	4.73	3.50
Tổng tài sản ngắn hạn	1,388	1,694	1,868	1,856	1,849
TSCĐ hữu hình	374	342	308	274	240
TSCĐ vô hình	0.14	0.05	(0.05)	(0.14)	(0.24)
Bất động sản đầu tư	71.4	64.3	57.2	50.0	42.9
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	63.3	65.4	68.4	54.8	41.3
Tổng tài sản dài hạn	509	472	434	379	324
Tổng cộng tài sản	1,898	2,166	2,301	2,235	2,173
Nợ ngắn hạn	0	97.9	97.9	97.9	97.9
Phả trả người bán	5.83	5.85	6.13	4.86	3.60
Nợ ngắn hạn khác	440	442	462	367	272
Tổng nợ ngắn hạn	484	600	624	515	407
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	7.87	3.95	4.14	3.28	2.43
Tổng nợ dài hạn	7.87	3.95	4.14	3.28	2.43
Tổng nợ phải trả	492	604	628	519	409
Vốn chủ sở hữu	1,406	1,562	1,673	1,717	1,764
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,406	1,562	1,673	1,717	1,764
Tổng nợ phải trả và VCSH	1,898	2,166	2,301	2,235	2,173
BVPS (đ)	14,815	16,458	17,632	18,091	18,590
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(317)	(10.5)	(108)	(351)	(709)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	783	940	969	768	557
Khấu hao	(44.8)	(46.3)	(46.1)	(46.1)	(46.1)
Lãi vay thuần	55.4	70.8	70.2	66.3	52.3
Thuế TNDN đã nộp	(90.9)	(163)	(194)	(154)	(111)
Thay đổi vốn lưu động	2.20	(8.58)	10.6	(52.8)	(53.4)
Khác	(53.7)	(70.2)	0.20	(0.93)	(0.93)
LCT thuần từ HKKD	666	735	823	598	429
Đầu tư TS dài hạn	(18.7)	(8.86)	(5.12)	(5.20)	(5.27)
Góp vốn & đầu tư	(1,556)	(2,544)	(115)	161	285
Thanh lý	1,501	2,051	0	0	0
Khác	66.0	63.5	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(7.69)	(438)	(120)	156	280
Cổ tức trả cho CSH	(515)	(605)	(605)	(511)	(351)
Thu từ phát hành CP	11.7	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	0	97.9	0	0	0
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(503)	(507)	(605)	(511)	(351)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	163	317	108	206	449
LCT thuần trong kỳ	155	(210)	97.8	243	358
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.89)	1.03	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	317	108	206	449	807
Dòng tiền tự do	647	726	818	593	424
Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	77.2	78.4	78.0	77.7	75.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	79.8	82.4	81.0	81.9	82.0
Tỷ suất LNT (%)	66.8	62.8	61.9	61.8	60.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.5	20.1	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	47.1	15.4	4.71	(20.6)	(26.0)
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	35.1	19.2	2.99	(19.8)	(25.9)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	39.0	8.41	3.25	(20.7)	(27.4)
Tăng trưởng EPS (%)	41.3	8.87	3.41	(21.8)	(29.2)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	41.6	8.91	3.42	(21.8)	(29.3)
Tăng trưởng DPS (%)	20.0	(8.33)	9.09	(16.7)	(33.7)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	86.7	73.0	77.0	82.0	76.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	50.5	50.6	47.9	36.3	25.6
ROACE (%)	56.8	63.1	59.8	45.2	32.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.58	0.59	0.56	0.44	0.33
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.85	0.78	0.85	0.78	0.77
Số ngày tồn kho	0	0	0	0	0
Số ngày phải thu	172	186	184	180	166
Số ngày phải trả	9.02	8.28	8.13	8.00	7.35
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(22.0)	(0.50)	(6.31)	(20.3)	(40.1)
Nợ/tài sản (%)	0.42	4.65	4.38	4.48	4.58
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.01	0.10	0.10	0.12	0.17
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.87	2.82	2.99	3.60	4.54
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.72	3.07	2.80	3.51	4.71
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.67	3.73	3.46	4.28	5.74
P/E (lần)	7.82	7.18	6.94	8.87	12.5
P/E ĐC (lần)	8.44	7.75	7.49	9.59	13.6
P/B (lần)	3.65	3.29	3.07	2.99	2.91
Lợi suất cổ tức (%)	11.1	10.2	11.1	9.24	6.13

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn